

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA



**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020,
ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. Thực hiện các chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh (SXKD)

1. Đánh giá chung:

Khép lại năm 2020, “bức tranh” kinh tế toàn cầu đã trải qua một năm đầy biến động với "gam màu tối" về tăng trưởng kinh tế. 2020 cũng là năm tồi tệ nhất trong lịch sử kinh tế thế giới, thậm chí ảnh hưởng còn trầm trọng và nặng nề hơn cả cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

Chuỗi giá trị toàn cầu bị đứt gãy đã dẫn tới gián đoạn trong sản xuất và vận chuyển các đầu vào trung gian trong sản xuất. Sự đứt gãy trong nguồn cung đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp, cũng như các nền kinh tế phụ thuộc...

Covid – 19 đã gây ra những ảnh hưởng vô cùng nặng nề, hầu hết các nền kinh tế đạt mức tăng trưởng âm. Trong bức tranh u tối đó, Việt Nam nổi lên khi nằm trong nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới. Năm 2020, tổng sản phẩm quốc nội tăng trưởng 2,91% so với năm 2019, tuy nhiên đây là mức tăng trưởng thấp nhất của thập kỷ 2011-2020.

Năm 2020 Việt Nam tích cực tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do – FTA song phương và đa phương, mở ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, 3 hiệp định thương mại tự do được ký kết trong năm 2020 gồm: Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP - còn được gọi là ASEAN+6).

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang từng ngày từng giờ làm thay đổi bộ mặt của xã hội cũng như mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội vô cùng to lớn, nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2020, thời tiết diễn biến phức tạp, không theo quy luật, nắng hạn ở Tây nguyên, xâm nhập mặn diễn ra phức tạp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Miền

Trung – Tây Nguyên hứng chịu những thiệt hại vô vùng to lớn về người và của do thiên tai lũ lụt... Tất cả đã gây ra những ảnh hưởng nặng nề đến chi tiêu và xu hướng tiêu dùng của người dân.

Đầu tư nước ngoài tăng nhanh nên lao động ngày càng khó khăn, tiền lương, nhân công tăng làm cho giá thành tăng cao. Và hội nhập sâu đã làm cho cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết, giá bán giảm làm cho lợi nhuận giảm.

Đối với ngành Điện lạnh, Gia dụng và Thiết bị nhà bếp cao cấp, năm 2020 tiếp tục là năm chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành. Hội nhập sâu rộng và toàn diện dẫn đến việc cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Các hãng điều hòa không khí từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đua nhau sản xuất và đưa ra thị trường sản phẩm giá rẻ, làm cho sự cạnh tranh càng trở nên phức tạp. Bên cạnh đó, các hãng mới nổi có chính sách bán hàng táo bạo để xâm nhập thị trường với những chương trình khuyến mại lớn, gia tăng áp lực cạnh tranh tại phân khúc hàng trung bình dân.

Thị trường hàng gia dụng Việt Nam có quy mô lên đến gần 15 tỷ USD/năm đã thu hút nhiều DN Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan... liên tục đổ bộ vào khai thác. Sức ép cạnh tranh từ phía doanh nghiệp nước ngoài đối với các doanh nghiệp Việt ngày càng lớn. Đặc biệt, đối với doanh nghiệp mới gia nhập ngành hàng gia dụng như Nagakawa.

Thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2020 với những cơ hội và thách thức đan xen, bằng nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của toàn hệ thống, kết quả hoạt động SXKD của Nagakawa 2020 đạt được như sau:

1. Các chỉ tiêu đạt được trong SXKD:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% kế hoạch	Tăng trưởng so với 2019 (%)
Doanh thu	1.000.000.000.000	1.087.727.555.048	108.77%	4.5%
Lợi nhuận	8.000.000.000	8.269.034.005	103.36%	-31.3%

II. Kết quả đã đạt được trong công tác quản lý và trong hoạt động SXKD năm 2020

1. Kết quả trong lãnh đạo, điều hành.

Ban Tổng giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo cùng với sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng ban trong Tập đoàn, sự cố gắng của các đơn vị thành viên, của cán bộ công nhân viên toàn Tập đoàn, tiếp tục thực hiện các mục tiêu chiến lược, khẳng định vị thế, hình ảnh Nagakawa trên thị trường, khắc phục khó khăn kiểm soát các hoạt động SXKD, dưới đây là một số nội dung trọng tâm đã hoàn thành:

Kết quả kinh doanh năm 2020 trên các lĩnh vực đều bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, kết quả lợi nhuận toàn Tập đoàn đạt kế hoạch.

Năng lực lãnh đạo quản lý của bộ máy được nâng cao từ trong khó khăn thử thách, tất cả các hoạt động của Tập đoàn đều được kiểm soát tin cậy.

Năm 2020 Nagakawa cho ra mắt ngành hàng TBNB cao cấp với 3 dòng sản phẩm chủ lực: Bếp điện từ, máy hút mùi và máy rửa bát. Bộ sản phẩm được sản xuất tại Malaysia, được ứng dụng những công nghệ tối tân, hiện đại nhất của ngành Bếp trên thế giới. Theo kế hoạch, mục tiêu phát triển 2021 – 2025, ngành hàng TBNB cao cấp của Nagakawa kỳ vọng sẽ chiếm lĩnh thị trường và đạt vị trí dẫn đầu tại Việt Nam.

Năm 2020, Nagakawa tiếp tục Thực hiện Công ước và Nghị định thư Montreal cùng cam kết với Ngân hàng thế giới - World Bank về việc loại bỏ chất suy giảm tầng Ozone HCFC giai đoạn 2, để bảo vệ môi trường, Nagakawa cho ra đời dòng sản phẩm Điều hòa không khí thế hệ mới sử dụng môi chất- gas R32 thân thiện với môi trường và dòng sản phẩm điều hòa không khí Multi Inverter, một mẹ nhiều con, tiết kiệm điện năng, mở rộng không gian sống, phù hợp với thiết kế hiện đại, tiện nghi của các căn hộ chung cư cao cấp.

Ban điều hành tiếp tục phân tích các ảnh hưởng từ các Hiệp định hợp tác quốc tế, từ cách mạng công nghệ 4.0 để triển phương án kinh doanh mới. Đồng thời đầu tư phát triển phần mềm quản lý, nâng cao hiệu suất lao động và năng lực quản lý điều hành.

2. Công tác tổ chức và quản lý

Tập đoàn đã triển khai rà soát, theo sát chiến lược phát triển giai đoạn 2017 – 2021 mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cho nhiệm kỳ 5 năm; xây dựng mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực kinh doanh và làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch, chỉ tiêu năm 2021 và những năm tiếp theo.

Triển khai chương trình quy hoạch và phát triển đội ngũ lãnh đạo, luân chuyển cán bộ lãnh đạo cấp cao, kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoàn thiện cơ chế điều hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ chủ chốt và CBCNV.

Ban hành các chính sách lương, thưởng mới, đảm bảo đời sống, thu nhập ổn định và các chính sách phúc lợi cho CBCNV được quan tâm duy trì tốt.

Tuyển dụng bổ sung nhân lực mới, tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực quản lý cho cấp lãnh đạo, quản lý cũng như CBCNV.

3. Công tác Marketing

Triển khai những hoạt động đồng bộ trong công tác Marketing như truyền hình, báo chí, biển bảng, khuyến mại... Kết hợp Marketing hiện đại và marketing truyền thống, giới thiệu thành công thương hiệu và sản phẩm của Nagakawa tới các nhà phân phối, đại lý và người tiêu dùng trên cả nước. Công tác giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Tập đoàn ra công chúng đã được nâng lên một bậc.

Tận dụng tối đa lợi thế của mạng xã hội, báo trực tuyến, năm 2020 Nagakawa đẩy mạnh hoạt động quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu trên nền tảng truyền thông số. Việc thực hiện những chiến dịch Marketing lớn trên nền tảng digital đã góp phần không nhỏ vào việc đẩy mạnh thương hiệu, sản phẩm Nagakawa đến với người tiêu dùng trên cả nước.

Đẩy mạnh công tác PR, tài trợ cho nhiều hoạt động xã hội, cộng đồng, từ đây thương hiệu Nagakawa đã trở nên gần gũi và thân thiện hơn trong lòng công chúng, giúp quảng bá hình ảnh và đưa thông tin tới đông đảo khách hàng, bao phủ thị trường trên diện rộng.

Năm 2020 Nagakawa tiếp tục triển khai chương trình hội viên đối với ngành Điện lạnh Nagakawa++ plus với nhiều chính sách và ưu đãi hỗ trợ cho điểm bán trực tiếp. Năm 2020 Nagakawa tiếp tục đầu tư và mở rộng kênh Thương mại điện tử www.shop.nagakawa.com.vn. Sau hơn 1 năm hoạt động kênh thương mại điện tử của

Tập đoàn đã mang đến cho người tiêu dùng cả nước hàng trăm nghìn sản phẩm mang thương hiệu Nagakawa; bắt tay cùng với những ông lớn trong lĩnh vực Thương mại điện tử trong nước và quốc tế như Shopee, Lazada, Tiki, Sendo.... Giờ đây, chỉ cần 1 cú nhấp chuột, người tiêu dùng cả nước có thể dễ dàng tìm hiểu và mua sắm các sản phẩm của Tập đoàn Nagakawa một cách nhanh chóng và tiện lợi.

Để có thể xây dựng chiến lược thương hiệu dài hạn, chiến lược marketing đúng đắn và hiệu quả, Nagakawa đã phối hợp với những đơn vị tư vấn chiến lược hàng đầu Việt Nam và quốc tế trong các dự án, chiến dịch Marketing nhằm tối ưu hóa chi phí, tăng hiệu quả truyền thông.

4. Công tác tài chính kế toán

Công tác tài chính: Công tác huy động vốn từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng đảm bảo luôn sẵn sàng nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và phát triển ngành hàng gia dụng và thiết bị nhà bếp mới.

Công tác quản trị tài chính, quản lý dòng tiền thực hiện hiệu quả.

Công tác kế toán: Đảm bảo hạch toán kế toán, báo cáo tài chính chính xác và kịp thời. Thực hiện tốt công tác thanh tra thuế, hoàn thuế, công tác kiểm kê và quyết toán với cơ quan thuế.

5. Công tác kinh doanh

Tháng 9 năm 2020, Tập đoàn Nagakawa chính thức cho ra mắt bộ sản phẩm Thiết bị nhà bếp cao cấp bao gồm 3 dòng sản phẩm chính: Bếp điện từ, máy hút mùi và máy rửa bát... Bộ sản phẩm này là tiền đề cho nỗ lực chuyển dịch sang chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm, thấu hiểu nhu cầu và hành vi của khách hàng để thiết kế sản phẩm và cung cấp dịch vụ, nhằm thoả mãn chất lượng cuộc sống ngày càng cao. Sau thời gian ngắn triển khai thị trường, Nagakawa đã gần như phủ được các điểm bán thiết bị nhà bếp tại khu vực Miền Bắc với gần 1000 điểm bán. Trong năm 2021, Tập đoàn sẽ tiếp tục mở rộng thị trường và quảng bá Thương hiệu sản phẩm TBNB cao cấp đến khu vực miền Trung và miền Nam với mục tiêu trở thành Thương hiệu dẫn đầu trong ngành thiết bị nhà bếp cao cấp tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, Tập đoàn còn không ngừng củng cố hệ thống phân phối ngành hàng điện lạnh và gia dụng, tiếp tục mở rộng thị trường và phát triển thị trường mới cùng đội ngũ bán hàng thiện chiến, chuyên nghiệp vì vậy doanh số bán hàng vẫn tăng

trưởng đều. Hiện nay, hàng hóa mang thương hiệu Nagakawa đã có mặt rộng khắp tại hơn 5,000 điểm bán trên 63 tỉnh thành cả nước.

Về cơ chế chính sách bán hàng: nhằm tạo sự cạnh tranh với thị trường khốc liệt, năm 2020, Tập đoàn đã đưa ra nhiều chương trình bán hàng lớn để thúc đẩy sản lượng và doanh số, đẩy mạnh các chương trình bán hàng hấp dẫn, chính sách bán hàng tối ưu hỗ trợ các nhà phân phối, đại lý có điều kiện thuận lợi nhất để bán hàng được tốt hơn. Nhờ chất lượng đảm bảo, chính sách bán hàng ưu việt, các dòng sản phẩm điều hòa không khí thương mại của Nagakawa đã tăng cao đột biến và chiếm thị phần đứng đầu trong top các doanh nghiệp Việt.

6. Công tác phát triển sản phẩm

Chất lượng sản phẩm Nagakawa trong năm 2020 đã được các nhà phân phối, đại lý và người tiêu dùng trên cả nước đánh giá cao.

Năm 2020 là một năm đột phá trong công tác nghiên cứu và phát triển của Nagakawa với sự ra mắt của bộ sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp với nhiều công nghệ tiên tiến và tính năng đột phá trên thị trường. Bộ sản phẩm giúp nâng giá trị thương hiệu Nagakawa lên một tầm cao mới với những bộ sản phẩm được ứng dụng các công nghệ hàng đầu, chất lượng tuyệt vời cùng dịch vụ bán hàng ưu việt nhất trên thị trường.

Các sản phẩm của Nagakawa đều tuân thủ theo tiêu chí: BỀN! Chú trọng công tác giám sát chất lượng, kiên quyết không đưa các sản phẩm không tốt, chất lượng thấp ra thị trường. Xây dựng hình ảnh Tập đoàn, sản phẩm Nagakawa thật sự là biểu tượng của chất lượng.

Thường xuyên khảo sát hành vi và tâm lý tiêu dùng của người dân Việt Nam cùng với việc nghiên cứu các sản phẩm, công nghệ mới trên thế giới để một mặt nâng cao chất lượng sản phẩm, bổ sung thêm các tính năng hiện đại, một mặt tìm tòi phát triển các sản phẩm mới chất lượng và phù hợp với nhu cầu thị trường để làm nền tảng cho việc phát triển sản phẩm những năm tiếp theo.

7. Công tác tư vấn và chăm sóc khách hàng

Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng trên toàn hệ thống cũng như trong từng khâu trải nghiệm của khách hàng (trước và sau bán hàng). Đưa ra nhiều hơn nữa hoạt động chăm sóc khách hàng, đảm bảo quyền lợi cho

người tiêu dùng. Đầu tư nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ khách hàng 24/7. Thực hiện bảo hành điện tử đối với ngành hàng Điện lạnh và thiết bị nhà bếp cao cấp.

Tăng cường đội ngũ tư vấn và chăm sóc khách hàng, chú trọng công tác giám sát chất lượng sản phẩm, kiên quyết không để sản phẩm kém chất lượng ra thị trường.

Mở rộng hệ thống bảo hành ủy quyền tại tất cả các tỉnh thành trên cả nước với hơn 130 trạm bảo hành ủy quyền, 3 trung tâm tư vấn & chăm sóc khách hàng, đảm bảo cung cấp dịch vụ sau bán hàng tốt nhất với tiêu chí “Tận tình, chu đáo, kịp thời”.

PHẦN II BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thảo luận và Quyết nghị về thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Thù lao	Tổng thù lao
1	Thù lao Hội đồng quản trị	292.009.967
2	Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000

Việc chi trả đã được thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện 10 kỳ họp và ban hành 10 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp. Chủ tịch HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động của Tập đoàn đến các thành viên HĐQT. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban Kiểm soát.

HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đề ra.

2.2. Công tác công bố thông tin

Tiếp tục thực hiện các hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử (IDS) và (CIMS). Tập đoàn đã triển khai thực hiện và tiến hành công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

2.3. Công tác giám sát với Ban Tổng giám đốc

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn và Quy chế quản trị Tập đoàn, HĐQT đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2020 như sau:

HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của HĐQT, thường xuyên thảo luận, trao đổi với Tổng giám đốc tại các cuộc họp về tình hình triển khai nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; có các đề xuất kịp thời giúp HĐQT đưa ra các định hướng và quyết định phù hợp trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;

HĐQT đã tiến hành họp các phiên thường kỳ để ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện.

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã được quy định trong các văn bản liên quan.

PHẦN III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Năm 2021, bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với những thời cơ thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. HDQT nhận định ngành điện lạnh – gia dụng – TBNB cao cấp sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ kinh tế trong và ngoài nước như sau:

Kinh tế thế giới:

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu, do những bất định của dịch Covid-19 chưa có hồi kết, kéo theo thị trường tài chính nhiều rủi ro gia tăng, thị trường dầu mỏ, giá vàng, đồng USD... có thể biến động thất thường, nền kinh tế thế giới sẽ đối diện với những thách thức đan xen.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đánh giá: trong năm 2021 tăng trưởng toàn cầu sẽ đạt khoảng 5,4%, thấp hơn nhiều so với con số 6,5% mà tổ chức này đưa ra vào thời điểm trước khi đại dịch bùng phát vào tháng 1/2020. Tuy nhiên, trong một kịch bản bất lợi hơn với giả định các nước tiếp tục áp dụng các biện pháp phong tỏa mới trong thời gian tới, GDP toàn cầu sẽ tiếp tục giảm sâu trở lại.

Đại dịch Covid-19 có khả năng sẽ làm trầm trọng hơn sự lan truyền của làn sóng chống lại toàn cầu hóa. Các nước lần lượt áp dụng những biện pháp kiểm soát dịch bệnh như cách ly, giám sát hải quan..., vì vậy sự lưu chuyển hàng hóa, con người và các yếu tố sản xuất chắc chắn sẽ khó khăn, điều này sẽ khiến toàn cầu hóa và mở cửa phát triển bị cản trở trong ngắn hạn.

Kinh tế trong nước:

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định, dù ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn có thể đạt mức 6,5% năm 2021.

2021 được dự đoán sẽ là một năm phục hồi kinh tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và đầu tư công được xem là một trong những bánh xe quan trọng của “cỗ xe tam mã” (gồm đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng) giúp kéo nền kinh tế đi lên. Chính phủ đang thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư toàn xã hội, đặc biệt là vốn đầu tư công được phép thực hiện trong năm 2021, dự kiến là 477.300 tỷ đồng, tăng 1,4%

so với năm 2020. Đây là cơ hội để tăng trưởng doanh thu các lĩnh vực kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

Tổng vốn FDI vào Việt Nam năm 2021 dự kiến sẽ cao hơn mức 28,5 tỷ USD (vốn đăng ký) và 19,9 tỷ USD (vốn thực hiện) như mục tiêu đã đề ra. Đầu tư FDI vẫn duy trì ở mức cao, tập trung chủ yếu vào việc phát triển các khu công nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội cao, đây là cơ hội đầu tư và tăng doanh thu cho ngành điện lạnh và thiết bị nhà bếp cao cấp của Nagakawa.

Với những đặc điểm tình hình trên, cùng với mục tiêu quan trọng của năm 2021, Nagakawa sẽ tập trung nguồn lực vượt qua khó khăn do đại dịch Covid - 19, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm tạo đà cho sự phát triển đột biến năm 2021 và những năm tiếp theo, HĐQT kính trình Đại hội thông qua kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Trị giá (VNĐ)
1	Doanh thu:	1.500.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế:	15.000.000.000

Để hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội, đòi hỏi đội ngũ Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty CP Tập đoàn Nagakawa cần đoàn kết, sáng tạo, trách nhiệm và không ngừng cải tiến, đổi mới triển khai các công tác sau:

1. Công tác kinh doanh

Theo mục tiêu chiến lược 2021 – 2025 và tầm nhìn 2030, để chuẩn bị cho tham vọng trở thành top 5 thương hiệu sản xuất và phân phối điều hòa không khí tại Việt Nam và trở thành Thương hiệu dẫn đầu trong ngành thiết bị nhà bếp cao cấp tại thị trường Việt Nam, Tập đoàn Nagakawa tập trung nghiên cứu thị trường, hoạch định chiến lược và vạch ra kế hoạch rõ ràng, chi tiết để từng bước thực hiện mục tiêu trên. Bên cạnh việc kiện toàn bộ máy quản trị của từng ngành hàng, tập trung vào phát triển nguồn lực tại nguồn, nâng cao chất lượng nhân lực, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đưa ra những sản phẩm mới cạnh tranh hơn, chất lượng hơn, thông minh hơn...

Tập đoàn tiếp tục mở rộng và phát triển các thị trường mới và kênh phân phối mới, cụ thể là tập trung đầu tư tái thiết lại thị trường Miền Nam, củng cố kênh bán hàng truyền thống tại Miền Bắc, phát triển chuyên sâu hơn kênh Thương mại điện tử, dự án và mở rộng kinh doanh sang kênh siêu thị điện máy với khởi đầu là sự hợp tác với hệ thống siêu thị Điện Máy Xanh – chuỗi điện máy lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2021, Nagakawa đặt mục tiêu sẽ phủ toàn bộ 1500 điểm bán của Điện Máy Xanh và hệ thống siêu thị lớn trên toàn quốc. Bên cạnh đó, tiếp tục tập trung củng cố và mở rộng hệ thống kênh phân phối khắp cả nước, tiếp cận được với 5,000 – 6,000 điểm bán trên cả nước để mọi người dân Việt đều có thể dễ dàng mua sản phẩm mang Thương hiệu Nagakawa.

2. Công tác Truyền thông - Marketing

Cuối năm 2020, Tập đoàn Nagakawa đưa ra chiến lược Thương hiệu mới “An tâm toàn diện”, thông điệp mới này như một sự cam kết của Nagakawa mang đến sự an tâm trọn vẹn cho khách hàng. Đối tác, cổ đông sẽ hoàn toàn an tâm với những hướng đi đúng đắn của Nagakawa; khách hàng an tâm với những sản phẩm, chương trình, chính sách kinh doanh mà Nagakawa đem lại; người tiêu dùng an tâm với những sản phẩm an toàn, tiện nghi do Nagakawa cung cấp... Trọng tâm của chiến lược là “Lấy khách hàng làm trung tâm” với mong muốn mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng, tiện nghi, góp phần nâng tầm cuộc sống của mỗi gia đình Việt.

Sự chuyển dịch sang Chiến lược “lấy khách hàng làm trung tâm” được thiết kế xung quanh nhu cầu và sở thích của khách hàng. Đó là sự ưu tiên khách hàng trước các nhân tố khác, sử dụng trực giác, cảm nhận bằng giác quan, dữ liệu về ứng xử của khách hàng. Chiến lược “lấy khách hàng làm trung tâm” không phải chỉ cung cấp một dịch vụ tuyệt vời, mà cung cấp một trải nghiệm từ giai đoạn nhận thức, qua quá trình mua hàng, và quá trình sau bán hàng. Đó là chiến lược đặt khách hàng lên trên hết, và ở trung tâm của doanh nghiệp.

Để hiện thực hóa chiến lược và định hướng mới, năm 2021, Tập đoàn Nagakawa tiếp tục đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường các hoạt động giới thiệu quảng bá thương hiệu, hình ảnh, sản phẩm tới khách hàng.

Đẩy mạnh công tác nội dung, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng trên các nền tảng số của Nagakawa, tạo sự thiện cảm cho khách hàng.

Xây dựng chiến lược phát triển Thương hiệu cho từng ngành hàng với định hướng rõ nét, nhất quán, lộ trình dài hạn từng bước chinh phục người tiêu dùng Việt 1 cách hiệu quả.

Xây dựng chiến dịch truyền thông Marketing chào mừng 20 năm sinh nhật Tập đoàn Nagakawa.

Triển khai chiến dịch Marketing 360 độ - Marketing toàn diện để tối ưu hóa nhận diện thương hiệu, tăng cường nhận biết thương hiệu, mang Thương hiệu và sản phẩm Nagakawa đến gần hơn với mọi nhà, chinh phục mọi khách hàng Việt bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đó là con đường phát triển bền vững nhất.

3. Công tác nghiên cứu sản phẩm

Với chiến lược “Lấy khách hàng làm trung tâm” Nagakawa không ngừng nghiên cứu và tìm hiểu sở thích, nhu cầu của khách hàng, thấu hiểu khách hàng, từ đó tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp đáp ứng cho những sở thích và nhu cầu đó. Hơn thế nữa, Nagakawa chú trọng ứng dụng tư duy thiết kế vào quá trình sản xuất. Tư duy thiết kế là tư duy tập trung vào “kết quả người dùng nhận được” thay vì chỉ dựa trên yêu cầu của người dùng hoặc ý muốn chủ quan của nhà sản xuất như trước đây.

Tiếp nối những dấu ấn ấn tượng trong năm 2020, năm 2021, Tập đoàn Nagakawa sẽ tiếp tục đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đưa ra những bộ sản phẩm chất lượng hơn, thẩm mỹ hơn, được trang bị nhiều công nghệ tiên tiến hơn nữa. Từ đó từng bước giúp nâng tầm thương hiệu Nagakawa lên một vị thế mới với những sản phẩm thuộc phân khúc hàng cao cấp có nhiều yếu tố cạnh tranh như Bền bỉ về chất lượng, sang trọng về kiểu dáng, tiện nghi trong từng tính năng và tối ưu mọi trải nghiệm của khách hàng trong dịch vụ sản phẩm.

Đối với ngành điều hòa, năm 2021 Tập đoàn Nagakawa sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm điều hòa với nhiều đột phá về công nghệ và các tính năng vượt trội thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng như: tính năng lọc không khí, diệt khuẩn, tiết kiệm điện chỉ từ 1Kw điện 1 đêm, tính năng cảm biến thông minh...

Tiếp tục phát triển ngành hàng gia dụng, Nagakawa đưa ra mục tiêu trở thành đơn vị top đầu trong ngành hàng Gia dụng tại Việt Nam. Mở rộng thị trường, cam kết

phát triển những sản phẩm công nghệ cao, tốt cho sức khỏe người dùng và áp dụng những công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm phù hợp nhu cầu, tâm lý, văn hóa tiêu dùng của người Việt.

Năm 2021, ngành hàng Gia dụng của Nagakawa sẽ tiếp tục đưa ra thị trường những bộ sản phẩm Thiết bị nhà bếp cao nằm trong phân khúc cao cấp, với hàm lượng công nghệ cao, thiết kế hiện đại... Bộ sản phẩm mới này kỳ vọng sẽ làm thay đổi bộ mặt của ngành hàng Gia dụng Nagakawa trong thời gian tới.

Bám sát thị trường, theo sát những biến động, các chính sách của đối thủ cạnh tranh để có những đổi sách phát triển sản phẩm phù hợp.

Tiếp tục đầu tư nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ, công nghệ, máy móc tiên tiến trong sản xuất, đầu tư phát triển sản phẩm, phù hợp với tâm lý tiêu dùng của người Việt.

4. Công tác tổ chức hành chính

2020 là đòn bẩy cho sự chuyển đổi trong công tác quản trị hành chính của Tập đoàn Nagakawa, để năm 2021 kiện toàn bộ máy và chuyên nghiệp hoá môi trường làm việc.

Nagakawa kiện toàn bộ máy quản trị, ưu tiên tuyển dụng các nhân sự cấp cao, có thâm niên công tác tại các Tập đoàn lớn để giúp kiến thiết lại các quy trình làm việc, chuyên nghiệp hóa bộ máy quản trị bằng việc ứng dụng các công nghệ hỗ trợ tối ưu năng suất lao động.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Nagakawa Hồ Chí Minh, bổ sung thêm nguồn lực nhằm khai thác tốt hơn nữa thị trường miền Nam đầy tiềm năng.

Thực hiện tiếp các nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2020:

- Kiện toàn lại bộ máy nhân sự của một số phòng ban, đơn vị;
- Đẩy mạnh công tác phong trào, công tác thi đua khen thưởng thường xuyên, sát thực và hiệu quả;
- Triển khai kế hoạch đào tạo tập trung, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết hơn.

5. Công tác tài chính kế toán

Thực hiện báo cáo tài chính và kiểm toán theo quy định. Triển khai công tác tài chính năm 2021 và kế hoạch tài chính 5 năm. Kiểm soát dòng tiền hiệu quả, đảm bảo việc huy động được nguồn vốn giá rẻ, ngắn hạn và dài hạn đáp ứng nhu cầu cho SXKD và đầu tư của Tập đoàn.

Tham mưu cho Ban lãnh đạo và HĐQT về kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn, dự báo rủi ro tài chính và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

Nâng cao năng lực cán bộ tài chính, kế toán đáp ứng yêu cầu cao theo sự phát triển Tập đoàn.

Chú trọng hoàn thiện và áp dụng các quy định, quy trình quản lý nội bộ.

5. Công tác tư vấn và chăm sóc khách hàng

Bên cạnh việc cải tiến sản phẩm, năm 2021 Tập đoàn Nagakawa thực hiện tái cấu trúc bộ máy tư vấn chăm sóc khách hàng, đưa ra giải pháp quản lý, chăm sóc và có những chính sách hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng.

Tập đoàn Nagakawa đã có những chiến lược và chính sách cụ thể để phát triển công tác tư vấn và chăm sóc khách hàng như ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản trị hệ thống, xây dựng các app giúp tối ưu trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ của Nagakawa, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu Big Data về khách hàng và thiết lập mạng lưới Digital Services để đem tới cho khách hàng dịch vụ chăm sóc sau bán hoàn hảo, tận tâm và chuyên nghiệp nhất.

KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả của năm 2020, năm 2021, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển Tập đoàn, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành nhằm phát huy mọi tiềm năng và nội lực để hoàn thành nhiệm vụ và đạt hiệu quả cao nhất có thể cho đồng vốn đầu tư của các cổ đông tại NAG.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, một lần nữa tôi xin được gửi tới toàn thể Quý vị Cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng.

Xin chân thành cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC KHẢ



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

---o0o---

Số: 01/BC-BKS-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---o0o---

Vĩnh Phúc, ngày 03 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Trên tinh thần khách quan, nghiêm túc kiểm soát đánh giá toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã công bố và giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT) giao Ban Tổng giám đốc (BTGD) thực hiện năm 2020. Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa xin trình bày báo cáo kiểm soát năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa có 03 thành viên được phân công 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban phân công. Các thành viên trong Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng tháng/hàng quý cho từng thành viên. BKS đã tổ chức họp nhằm tiến hành kiểm tra, đánh giá các hoạt động của Công ty cũng như HĐQT và Ban TGD. Đồng thời cũng xem xét đánh giá những công việc mà BKS đã thực hiện và lập kế hoạch công tác cho các tháng, quý sau.



Các cuộc họp của BKS đều được ghi biên bản đầy đủ, sau khi kiểm tra, phân tích đánh giá và các hoạt động của công ty, BKS đều kịp thời đưa ra những góp ý cho Ban TGD bằng văn bản đề cải tiến và hoàn thiện công tác quản lý, điều hành của công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TGD

1. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường xuyên và định kỳ, ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự;

- Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chiến lược phát triển Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị đầy đủ, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp;

- HĐQT hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai các chương trình hành động, huy động mọi nguồn lực tập trung chỉ đạo điều hành nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng và chiếm lĩnh thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và tài sản, tiết kiệm chi phí giúp Công ty phát triển bền vững.

- Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; có các đề xuất kịp thời giúp HĐQT đưa ra các định hướng và quyết định phù hợp trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Ban điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty;

- Ban điều hành đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tháng, họp bất thường khi có phát sinh, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các giải pháp giải quyết ngay trong cuộc họp;



- Hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động thường xuyên, liên tục từ Công ty mẹ đến các công ty con trong hệ thống để hạn chế các rủi ro xảy ra cho Công ty.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

Toàn bộ số liệu tài chính do HĐQT vừa công bố đều được trích dẫn từ báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2020, số liệu trên hoàn toàn phản ánh trung thực kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua và được hạch toán tuân thủ đầy đủ theo các quy định về hạch toán kế toán hiện hành. Kết quả trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, một đơn vị kiểm toán uy tín hiện nay.

Số liệu cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2020.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số cuối kỳ (31/12/2019)
1	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	773.578.800.737	639.312.471.434
1.1	Tài sản ngắn hạn	706.923.329.362	583.479.470.624
1.2	Tài sản dài hạn	66.655.471.375	55.833.000.810
2	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	773.578.800.737	639.312.471.434
2.1	Nợ phải trả	560.702.255.971	426.519.813.155
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	212.876.544.766	212.792.658.279
2.2.1	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		17.470.670.743

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.087.727.555.048
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.604.998.344
3	Lợi nhuận sau thuế:	8.269.034.005
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	525

Kết quả thực hiện theo kế hoạch kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	1.000.000.000.000	1.087.727.555.048	108.77%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	8.000.000.000	8.269.034.005	103.36%

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu tại Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Kiến nghị

Dịch bệnh trên thế giới vẫn chưa được kiểm soát, thị trường trong nước cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thị trường điện lạnh và gia dụng cạnh tranh vô cùng gay gắt, thách thức từ thị trường đặt ra những nhiệm vụ hết sức nặng nề cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban Công ty. Đòi hỏi sự nỗ lực của từng thành viên trong công ty cũng như sự ủng hộ của quý vị cổ đông.

Bên cạnh những kết quả và thành tích mà Công ty đã đạt được trong năm qua, để tiếp tục phát triển thương hiệu Công ty trong các lĩnh vực kinh doanh, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, tăng lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị Công ty các nội dung sau:

- Khai thác nguồn vốn giá rẻ và kiểm soát hiệu quả hơn nữa về sử dụng dòng tiền, đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị đảm bảo đáp ứng tốt tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty để nâng cao hơn nữa uy tín, hình ảnh của Công ty trên thị trường.

- Xây dựng kế hoạch tài chính hiệu quả hơn để đảm bảo vốn đáp ứng kịp thời cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư công nghệ quản lý và thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ mục tiêu phát triển.

- Tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, góp phần nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp. Đẩy mạnh văn hóa, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong công tác quản trị rủi ro tại Công ty một cách thường xuyên và chuyên nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách với người lao động, cơ chế thi đua khen thưởng tạo động lực thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý cổ đông, quý đại biểu đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó. Trong hoạt động của mình, để phát huy được vai trò kiểm soát ở mức cao nhất, Ban Kiểm soát sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa và mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các cổ đông cũng như của HĐQT, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong công ty.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Trình ĐH cổ đông
- HĐQT công ty
- Lưu BKS

**T/M TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
NGUYỄN THỊ THU THẢO (Đã ký)**



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

---o0o---

Số: 01/2021/TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua báo cáo tài chính năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (Báo cáo chi tiết đính kèm).

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN		Số cuối năm	Số đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	706.923.329.362	583.479.470.624
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	4.914.235.456	11.640.206.650
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.500.000.000	38.384.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	254.592.158.679	222.274.388.930
IV	Hàng tồn kho	404.715.939.357	304.133.811.423
V	Tài sản ngắn hạn khác	8.200.995.870	7.047.063.621
B	Tài sản dài hạn	66.655.471.375	55.833.000.810
I	Các khoản phải thu dài hạn	848.672.499	1.013.847.599
II	Tài sản cố định	29.357.611.699	28.462.016.925
1	Tài sản cố định hữu hình	23.966.192.754	23.232.669.125
2	Tài sản cố định thuê tài chính		
3	Tài sản cố định vô hình	5.391.418.945	5.229.347.800
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	18.544.965.000	70.000.000
V	Đầu tư tài chính dài hạn	14.142.534.860	22.525.491.607
VI	Tài sản dài hạn khác	3.761.687.317	3.761.644.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		773.578.800.737	639.312.471.434
NGUỒN VỐN		Số cuối năm	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	560.702.255.971	426.519.813.155
I	Nợ ngắn hạn	559.138.334.653	426.066.213.155
II	Nợ dài hạn	1.563.921.318	453.600.000
D	Vốn chủ sở hữu	212.876.544.766	212.792.658.279
I	Vốn chủ sở hữu	212.876.544.766	212.792.658.279
1	Vốn góp của chủ sở hữu	158.886.360.000	158.886.360.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		
4	Vốn khác của chủ sở hữu		
5	Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
8	Quỹ đầu tư phát triển	5.915.984.116	5.313.907.820
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.171.683.805	25.449.629.716
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
13	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	17.230.426.845	17.470.670.743
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	Nguồn kinh phí		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		773.578.800.737	639.312.471.434



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.087.727.555.048	1.041.209.555.889
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	11.871.421.451	20.162.609.018
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.075.856.133.597	1.021.046.946.871
4 Giá vốn hàng bán	929.498.541.067	884.165.331.736
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.357.592.530	136.881.615.135
6 Doanh thu hoạt động tài chính	4.301.892.393	5.684.990.694
7 Chi phí tài chính	24.161.639.116	26.793.639.754
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>23.309.270.556</i>	<i>26.145.971.249</i>
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(8.382.956.747)	1.153.638.941
9 Chi phí bán hàng	77.446.254.238	80.908.160.646
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.539.167.112	21.535.121.202
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.129.467.710	14.483.323.168
12 Thu nhập khác	2.758.339.617	4.314.849.832
13 Chi phí khác	1.282.808.983	2.935.802.760
14 Lợi nhuận khác	1.475.530.634	1.379.047.072
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.604.998.344	15.862.370.240
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.549.537.817	3.910.396.081
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.786.426.522	(89.551.760)
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.269.034.005	12.041.525.919
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.509.277.903	14.441.341.234
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(240.243.898)	(2.399.815.315)
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	525	894
20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	525	894

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8,62	8,73
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	91,38	91,27
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	72,48	66,72
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	27,52	33,28
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,66
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,26	1,37
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,07	1,88
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,77	1,18
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,88	5,66
5	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,30	2,91
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	139,08	159,71

Kế toán trưởng

[Chữ ký]
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Huỳnh Thị Dung

Ngày 02 tháng 04 năm 2021

Tổng giám đốc

[Chữ ký]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền Thương

M.S.D.N: 2500217389
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T.P. PHÚC YÊN - T. VINH

TỜ TRÌNH

(Về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020,
kế hoạch chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, HĐQT công ty kính trình đại hội kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	1.000.000.000.000	1.087.727.555.048	108.77%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	8.000.000.000	8.269.034.005	103.36%

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của công ty, HĐQT công ty xin đưa ra chỉ tiêu hoạt động trong năm 2021 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Doanh thu:	1.500.000.000.000
2.	Lợi nhuận sau thuế:	15.000.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

---o0o---

Số: 03/2021/TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 15/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN (Xác định trên kết quả kinh doanh Hợp nhất):

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Năm 2020
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	8.509.277.903
2	Tổng trích lập các quỹ	595.649.453
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST (bắt buộc)	425.463.895
2.2	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi 2% LNST	170.185.558
3	Thù lao HĐQT & BKS	352.099.967
3.1	Trả thù lao HĐQT 2% LNTT	292.099.967
3.2	Trả thù lao Ban kiểm soát	60.000.000
4	Chia cổ tức 5% vốn điều lệ	7.944.317.000
5	Nguồn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ trước	382.788.517

II. VỀ HÌNH THỨC CHI TRẢ CỔ TỨC:

1. Hình thức chi trả cổ tức:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 5%



2. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 794.431
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Nguồn vốn phát hành : Từ lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền. Cổ phiếu quỹ sẽ không được thực hiện quyền.
- Mục đích phát hành : Chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tỷ lệ thực hiện : 100:5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 05 cổ phần mới). Số cổ phiếu mới nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 165 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:5 (tương đương 5%), cổ đông A được nhận là $(165*5)/100 = 8,25$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được nhận 08 cổ phiếu, 0,25 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến phát hành trong Quý III/2021.

III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ SAU:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình đại hội thông qua./ .

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./ .

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

---000---

Số: 04/2021/TT-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---000---

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn Công ty kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và lựa chọn một công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bán niên (nửa năm) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận năm 2021 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Số: 05/2020/TT-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Phúc, ngày 02 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<i><Không có nội dung></i>	Điểm a Khoản 1 Điều 1	“Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.	Bổ sung nội dung giải thích từ ngữ
	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	Điểm c Khoản 1 Điều 1	“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020	Do Luật Doanh nghiệp 2014 đã hết hạn và được thay thế bởi Luật Doanh nghiệp năm 2020
	<i><Không có nội dung></i>	Điểm j Khoản 1 Điều 1	“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	Do Nagakawa chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán
Khoản 1 Điều 2	Tên Công ty: <ul style="list-style-type: none"> • Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA • Tên tiếng Anh: NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY • Tên giao dịch: Tập đoàn Nagakawa • Tên viết tắt: Tập đoàn Nagakawa 	Khoản 1 Điều 2	Tên Công ty: <ul style="list-style-type: none"> • Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA • Tên tiếng Anh: NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY • Tên giao dịch: Tập đoàn Nagakawa • Tên viết tắt: NAGAKAWA GROUP 	Chỉnh sửa lại tên viết tắt theo thông tin trên đăng ký kinh doanh

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 6 Điều 2	Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Khoản 6 Điều 2	Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn	Chỉnh sửa lại do dẫn chiếu sai điều khoản
Khoản 1 Điều 3	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; • Sản xuất đồ điện dân dụng; • Sản xuất điều hòa không khí; • Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê; • Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; • Xây nhà các loại; • Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; • Xây dựng công trình công ích; • Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; • Phá dỡ; • Chuẩn bị mặt bằng; 	Khoản 1 Điều 3	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; • Sản xuất đồ điện dân dụng; • Sản xuất điều hòa không khí; • Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê; • Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; • Xây nhà các loại; • Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; • Xây dựng công trình công ích; • Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; • Phá dỡ; • Chuẩn bị mặt bằng; • Sản xuất và mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; 	Bổ sung nội dung ngành nghề kinh doanh theo đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Nagakawa

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất và mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; • Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; • Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; • Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; • Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; 		<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; • Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; • Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; • Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; • Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; • Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; • Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; • Sản xuất các cấu kiện kim loại; • Sản xuất sắt, thép, gang; • Lắp đặt hệ thống điện; • Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; • Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; • Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; • Sản xuất thiết bị điện khác; 	

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<ul style="list-style-type: none"> • Khai thác quặng sắt (Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định); • Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; • Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; • Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định). 	
Điều 4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn. 	Điều 4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia 2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan. 	Cập nhật theo Điều 7 và Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền phê duyệt thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh).

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điểm d Khoản 1 Điều 7	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;	Điểm d Khoản 1 Điều 7	Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;	Cập nhật theo điểm d Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp
Khoản 3 Điều 7	Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.	Khoản 3 Điều 7	<Loại bỏ nội dung này>	Quy định này từ Luật Doanh nghiệp 2005 đã hết hiệu lực
Điểm a Khoản 2 Điều 11	Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;	Điểm a Khoản 2 Điều 11	Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Cập nhật theo Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
	<Không có nội dung này>	Điểm i Khoản 2 Điều 11	Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;	Cập nhật theo Điểm a Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán và Khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 3 Điều 11	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 36 của Điều lệ này.</p> <p>Nhóm cổ đông khi thực hiện các quyền được quy định tại điểm a Khoản 3 điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của Công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được công ty chấp thuận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, thời gian nắm giữ cổ phần để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	Khoản 3, 4, 5 Điều 11	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 36 của Điều lệ này.</p> <p>4. Nhóm cổ đông khi thực hiện các quyền được quy định tại điểm a Khoản 3 điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của Công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được công ty chấp thuận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, thời gian nắm giữ cổ phần để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</p>	Cập nhật theo Khoản 2, 4, 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan). Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền</p>		<p>đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan). Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.</p>	

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>		<p>e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; <i>phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</i></p> <p>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 2 Điều 12	<p>Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>Tổ chức/ Cá nhân trở thành Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn bảy ngày (07), kể từ ngày trở thành cổ đông lớn.</p>	Khoản 2 Điều 12	<p>Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p> <p>Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn <i>năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn.</i></p>	Cập nhật theo Khoản 1 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Điểm c Khoản 2 Điều 12	<p>Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn bảy ngày (07) kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p>	Điểm c Khoản 2 Điều 12	<p>Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) <i>số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>, thì trong <i>thời hạn năm (05) ngày làm việc</i> kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p>	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC
	<Không có nội dung này>	Điểm Khoản 1, Điều 12	<i>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn</i>	Cập nhật theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<i>bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i>	
	<Không có nội dung này>	Điểm Khoản Điều 12	Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Cập nhật theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 1 Điều 13	“.....Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng (04), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản Điều 13	“.....Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng (04), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020
Điểm d Khoản 3 Điều 13	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập	Điểm d Khoản 3 Điều 13	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.5 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);	Cập nhật lại dẫn chiếu điều khoản

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);			
Điểm e Khoản 3 Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	Điểm e Khoản 3 Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
Điểm c Khoản 4 Điều 13	<p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4.b thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3.d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	Điểm c, d Khoản 4 Điều 13	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4.b thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3.d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140.3 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1 Điều 14	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: <ol style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 	Khoản 1 Điều 14	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: <ol style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. <i>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</i> <i>f. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</i> 	Cập nhật theo Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
Điểm 1, o Khoản 2 Điều 14	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau: <p>.....</p> 1. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; <p>.....</p>	Điểm 1, o Khoản 2 Điều 14	2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: 1. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 128, điểm đ Khoản 2 Điều 147 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;			
Điểm a Khoản 2 Điều 17	Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông	Điểm a Khoản 2 Điều 17	Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp;	Khoản 1, Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 3 Điều 17	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.	Khoản 3 Điều 17	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.	Khoản 1, Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 5 Điều 17	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:	Khoản 5 Điều 17	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:	Cập nhật theo Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>		<p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
Khoản 1 Điều 18	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 1 Điều 18	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.	Cập nhật theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp
Khoản 6 Điều 19	Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các	Khoản 6 Điều 19	Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp hoặc (c) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo	Cập nhật theo Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>		<p>luận và biểu quyết. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	
Khoản 1 Điều 20	<p>Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:.....</p>	Khoản 1 Điều 20	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:.....</p>	Cập nhật theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp
Khoản 2 Điều 20	<p>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và giải thể Công ty, thay đổi ngành nghề hoặc lĩnh vực kinh doanh, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty</p>	Khoản 2 Điều 20	<p>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại và giải thể Công ty, thay đổi ngành nghề hoặc lĩnh vực kinh doanh, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên</p>	Cập nhật theo Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>		<p>tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Khoản 3 Điều 21	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	Khoản 3 Điều 21	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p>	Cập nhật theo Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; Trong trường hợp cổ đông không gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước thời hạn nói trên thì được coi là đồng ý với tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết mà Công ty đưa ra.</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>		<p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. Trong trường hợp cổ đông không gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước thời hạn nói trên thì được coi là đồng ý với tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết mà Công ty đưa ra;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
Khoản 5 Điều 21	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p>	Khoản 5 Điều 21	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu</p>	Cập nhật theo Khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>		<p>quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>g. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
Điểm i khoản 1 Điều 22	Chữ ký của chủ tọa và thư ký;	Điểm i khoản 1 Điều 22	Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội</i>	Cập nhật theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<i>dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp;</i>	
Khoản 2 Điều 22	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p><i>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.</i> Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	Khoản 3 Điều 22	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <i>và tài liệu kèm theo biên bản</i> phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Căn cứ Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC và Điều 150 Luật doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1 Điều 24	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>.....</p>	Khoản 1 Điều 24	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>.....</p>	Cập nhật theo Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Khoản 2 Điều 24	Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.		<Loại bỏ thông tin này>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 24 Điều lệ.
	<Không có nội dung này>	Điểm m Khoản 3 Điều 25	Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	Bổ sung để đảm bảo đủ theo Điều 153 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điểm c Khoản 4 Điều 25	Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);	Điểm c Khoản 4 Điều 25	Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);	Cập nhật lại theo nội dung Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 4 Điều 26	Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.	Khoản 4 Điều 26	Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày <i>kể từ ngày từ chức/bãi miễn.</i>	Bổ sung mốc thời gian
Khoản 3 Điều 28	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	Khoản 3 Điều 28	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;	Cập nhật theo Điều 157 Luật doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.		b. <i>Ít nhất</i> hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. <i>Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</i>	
Khoản 4 Điều 28	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 28	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 28.3 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28.3 Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Theo Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
Khoản 8 Điều 28	Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	Khoản 8 Điều 28	Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. <i>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn</i>	Cập nhật theo Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<i>bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i>	
Khoản 14 Điều 28	Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản của cuộc họp (Thư ký cuộc họp).	Khoản 14 Điều 28	Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. <i>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tuân thủ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</i>	Căn cứ Điều 158 Luật Doanh nghiệp
	<Không có nội dung này>	Khoản 6 Điều 31	<i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</i>	Bổ sung theo điểm i Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp
	<Không có nội dung này>	Điểm f Khoản 2 Điều 32	<i>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i>	Bổ sung theo điểm đ Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1 Điều 36	Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Các thành viên Ban kiểm soát Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	Khoản 1 Điều 36	Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó . Các thành viên Ban kiểm soát Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	Điểm b Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	<Không có nội dung này>	Điểm i Khoản 1 Điều 37	<i>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</i>	Bổ sung theo khoản 12 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Khoản 3 Điều 37	Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.	Khoản 3 Điều 37	Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát .	Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Khoản 1 Điều 38	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được	Khoản 1,2 Điều 38	1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong	Cập nhật theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>		<p><i>danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</i></p> <p><i>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i></p>	
Điều 44	<p>Điều 44. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài</p>		<p>Điều 44. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy</p>	<p>Trong văn bản pháp luật hiện hành (ví dụ: Luật Doanh nghiệp) thì chính</p>

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.		chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.	xác cụm từ này là “năm tài chính”
Khoản 1 Điều 48	Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. <i>[Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].</i>	Khoản 1 Điều 48	1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.	Nội dung này không còn phù hợp (không còn là năm tài chính đầu tiên nữa) nên có thể loại bỏ.
Điều 49	1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.	Điều 49	1. <i>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</i>	Căn cứ Điều 43 Luật doanh nghiệp

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	2. Con dấu là tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.		2. Con dấu là tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
Điểm d Khoản 1 Điều 50	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	Điểm d Khoản 1 Điều 50	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	Cập nhật lại tên theo quy định Khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
Điểm b Khoản 3 Điều 53	Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	Điểm b Khoản 3 Điều 53	Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;	Cập nhật theo điểm a Khoản 5 Điều 208 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 55	Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, trừ trường hợp quy định tại Điểm 4.1 Điều 25 Điều lệ này.	Khoản 1 Điều 55	Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	Dẫn chiếu sai. Và sửa theo điểm đ Khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 56	Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa nhất trí thông qua	Khoản 1 Điều 56	Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều , được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn	

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
	ngày 24 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.		Nagakawa nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	
Điều 57	<i>Chữ ký của các Thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i>		<Loại bỏ điều khoản này>	Người đại diện theo pháp luật sẽ ký Điều lệ sửa đổi theo điểm c Khoản 4 Điều 24 Luật Doanh nghiệp

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Tập đoàn Nagakawa.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả



Nagakawa®

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	Lý do sửa đổi, bổ sung
Tên quy chế	Quy chế quản trị Công ty	Tên quy chế	Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty.	
Điều 1 Quy chế này được xây dựng theo Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.....	Điều 1Quy chế này được xây dựng theo Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành	Thông tư 95/2017/TT-BTC hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điểm c Điều 2	“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.	Điểm c Điều 2	Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại các văn bản Luật hiện hành.	Dẫn chiếu sai điều khoản
Điểm d, Khoản 1, Điều 3	...Tổ chức/Cá nhân trở thành Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở	Điểm d, Khoản 1, Điều 3Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.



Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn bảy ngày (07), kể từ ngày trở thành cổ đông lớn....		khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn <i>năm (05) ngày làm việc</i> , kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn....	
Điểm d, Khoản 1, Điều 3	<p>...Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn bảy ngày (07) kể từ ngày có sự thay đổi trên.....</p> <p>.....Quy định tại các điểm a, b, c trên đây cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	Điểm d, Khoản 1, Điều 3	<p><i>...Khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc</i> kể từ ngày có sự thay đổi trên Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết</p> <p><i>Quy định trên đây</i> cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	
Khoản 1 Điều 4	Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một năm 1 lần. Hội đồng quản trị (HĐQT) triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ		Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một năm 1 lần. Hội đồng quản trị (HĐQT) triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. <i>Trường hợp không thể tổ chức</i>	Theo Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 13 Dự thảo Điều lệ sửa đổi.

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
	khi kết thúc năm tài chính. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ bất thường theo quy tại Điều 13.4 của Điều lệ công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.		<i>trong thời hạn trên, HĐQT quyết định gia hạn thời gian họp ĐHCĐ thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i> HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ bất thường theo quy tại Điều 13.4 của Điều lệ công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.	
Khoản 4 Điều 4	Trong điều kiện bình thường, thông báo họp ĐHCĐ cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười ngày (10) trước ngày họp ĐHCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	Khoản 4 Điều 4	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc.	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 17 Dự thảo Điều lệ sửa đổi
Khoản 1 Điều 14	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.	Khoản 1 Điều 14	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị (Số lượng tối thiểu thành viên	Căn cứ Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 24 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
			Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống).	
Khoản 4 Điều 15	Không có	Khoản 4 Điều 15	4. Các nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật	Bổ sung điều khoản các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Dự thảo Điều lệ sửa đổi
Điểm m Khoản 3 Điều 16	<Không có>		m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	Bổ sung điều khoản các trách nhiệm khác theo quy định pháp luật và Dự thảo Điều lệ sửa đổi
Điểm c Khoản 4 Điều 16	Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);	Điểm c Khoản 4 Điều 16	<i>Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi</i>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm c Khoản 4 Điều 25 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<i>trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);</i>	
Điểm f Khoản 4 Điều 16	Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	Điểm f Khoản 4 Điều 16	<i>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</i>	Cập nhật theo Khoản 4 Điều lệ
Điểm m Khoản 4 Điều 16	Không có	Điểm m Khoản 4 Điều 16	<i>Các vấn đề khác theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật</i>	Bổ sung điều khoản vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định pháp luật và Dự thảo Điều lệ sửa đổi
Khoản 3 Điều 18	Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 113 Luật doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC về công bố thông tin của công ty niêm yết.	Khoản 3 Điều 18	Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin của công ty niêm yết	Cập nhật lại theo Luật Doanh nghiệp 2020 và thông tư mới 96/2020/TT-BTC

Mục hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 2 Điều 23	Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, một năm họp định kỳ ít nhất bốn (04) lần và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc,.....	Khoản 2 Điều 23	Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, một năm họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Điều lệ.	Khoản 2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp
Khoản 3 Điều 23	3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển và phải có sự hiện diện của ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên mới hợp lệ và phải được ghi biên bản đầy đủ vào sổ biên bản để lưu giữ tại công ty.	Khoản 3 Điều 23	3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển và phải có sự hiện diện của ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên mới hợp lệ và phải được ghi biên bản đầy đủ vào sổ biên bản để lưu giữ tại công ty. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Cập nhật theo Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Điều 28 Dự thảo Điều lệ sửa đổi

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020
và kế hoạch thù lao năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 15/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và đề xuất thù lao cho năm 2021, cụ thể như sau:

1. Chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, thù lao sẽ trả cho Hội đồng quản trị không quá 2% và Ban kiểm soát không quá 0,5% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2020, sau khi thống nhất ý kiến, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhận thù lao như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	292.009.967
2	Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000



2. Đề xuất Quỹ thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	Không quá 2% Lợi nhuận trước thuế năm 2021
2	Thù lao Ban kiểm soát	Không quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2021

Thù lao cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được trả vào cuối năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả



BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Hôm nay ngày 24/04/2021 tại Tầng 2, Khách sạn Hà Nội, D8 Giảng Võ, Hà Nội, diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây được gọi tắt là “**Cuộc họp ĐHĐCĐ**”) của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500217389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 21/03/2007) (sau đây gọi tắt là “**Nagakawa/Công ty**”).

Thời gian họp: Bắt đầu lúc 09h05 ngày 24/04/2021
Kết thúc lúc 13h05 ngày 24/04/2021

Số đại biểu tham dự: 26 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 11.198.522 cổ phần bằng 70.48% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.

A. Đại hội đã đề cử và thống nhất lựa chọn những người sau đây vào:

Đoàn Chủ tịch

- | | |
|------------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Đức Khả | - Chủ tịch đoàn |
| - Bà Nguyễn Thị Huyền Thương | - Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Ngọc Quý | - Ủy viên |

Ban Thư ký đại hội

- | | |
|----------------------|--------------|
| - Bà Phạm Thị Thu Hà | - Trưởng ban |
| - Ông Vũ Đức Long | - Ủy viên |

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh | - Trưởng ban |
| - Bà Phạm Thị Thùy | - Ủy viên |
| - Bà Dương Thu Hồng | - Ủy viên |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Mai | - Ủy viên |

Ban kiểm phiếu biểu quyết

- Bà Lê Thị Vinh
- Bà Vũ Thanh Trang Vân
- Bà Nguyễn Thị Mận
- Trưởng ban
- Ủy viên
- Ủy viên

B. Diễn tiến cuộc họp

Với tinh thần làm việc khẩn trương và nghiêm túc, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa đã thảo luận, thông qua và nghị quyết các vấn đề sau đây:

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố điều kiện tiến hành Đại hội

Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh – Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

II. Thủ tục khai mạc Đại hội

1. Ban tổ chức đề nghị các cổ đông làm Lễ chào cờ, tuyên bố khai mạc Đại hội

2. Đoàn Chủ tịch Đại hội:

- Ông Nguyễn Đức Khả
- Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
- Ông Nguyễn Ngọc Quý
- Chủ tịch đoàn
- Ủy viên
- Ủy viên

3. Ban Thư ký Đại hội:

- Bà Phạm Thị Thu Hà
- Ông Vũ Đức Long
- Trưởng ban
- Ủy viên

4. Ban kiểm phiếu:

- Bà Lê Thị Vinh
- Bà Vũ Thanh Trang Vân
- Bà Nguyễn Thị Mận
- Trưởng ban
- Ủy viên
- Ủy viên

Thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu đã được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí phê duyệt.

5. Chương trình Đại hội

Đoàn chủ tịch đã điều hành Đại hội theo chương trình được Đại hội phê duyệt, bao gồm các nội dung sau:

STT	Các nội dung biểu quyết
I	<p>Các báo cáo</p> <p>1. Báo cáo Tài chính năm 2020 đã kiểm toán</p> <p>2. Báo cáo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc năm 2020, định hướng và kế hoạch năm 2021</p>

	3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020
II	Các tờ trình 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 3. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 4. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 5. Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty 6. Dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

III. Nội dung các báo cáo, tờ trình được trình bày tại Đại hội

1. Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trình bày báo cáo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc năm 2020, định hướng và kế hoạch năm 2021.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Trưởng Ban Kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát lên trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

3. Thừa ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc: Bà Huy Thị Dung – Phó Tổng giám đốc lên trình bày xin ý kiến Đại hội về:

3.1. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Doanh thu:	1,500,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế:	15,000,000,000

3.3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Năm 2020
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	8.509.277.903
2	Tổng trích lập các quỹ	595.649.453
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST (bắt buộc)	425.463.895
2.2	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi 2% LNST	170.185.558

3	Thù lao HĐQT & BKS	352.099.967
3.1	Trả thù lao HĐQT 2% LNTT	292.099.967
3.2	Trả thù lao Ban kiểm soát	60.000.000
4	Chia cổ tức 5% vốn điều lệ	7.944.317.000
5	Nguồn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ trước	382.788.517

3.3.1. Hình thức chi trả cổ tức:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 5%

3.3.2. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 794.431 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Nguồn vốn phát hành : Từ lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền. Cổ phiếu quỹ sẽ không được thực hiện quyền.
- Mục đích phát hành : Chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tỷ lệ thực hiện : 100:5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 05 cổ phần mới). Số cổ phiếu mới nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.
Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 165 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:5 (tương đương 5%), cổ đông A được nhận là $(165 \cdot 5) / 100 = 8,25$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được nhận 08 cổ phiếu, 0,25 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến phát hành trong Quý III/2021.

3.3.3. Ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề sau:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;

- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.4. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021

3.4.1. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	292.099.967
2	Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000

3.4.2. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	Không quá 2% Lợi nhuận trước thuế năm 2021
2	Thù lao Ban kiểm soát	Không quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2021

3.5. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020

Danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và lựa chọn một công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bán niên (nửa năm) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận năm 2021 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên,

kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác phù hợp.

3.6. Đề xuất Sửa đổi Điều lệ Công ty

Các nội dung đề xuất sửa đổi như sau:

Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>
Điểm a Khoản 1 Điều 1	“Công ty” là Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
Điểm c Khoản 1 Điều 1	“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
Điểm j Khoản 1 Điều 1	“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
Khoản 1 Điều 2	Tên Công ty: <ul style="list-style-type: none"> • Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA • Tên tiếng Anh: NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY • Tên giao dịch: Tập đoàn Nagakawa • Tên viết tắt: NAGAKAWA GROUP
Khoản 6 Điều 2	Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.
Khoản 1 Điều 3	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; • Sản xuất đồ điện dân dụng; • Sản xuất điều hòa không khí; • Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê; • Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; • Xây nhà các loại; • Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; • Xây dựng công trình công ích; • Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; • Phá dỡ; • Chuẩn bị mặt bằng; • Sản xuất và mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

	<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; • Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; • Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; • Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; • Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; • Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; • Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; • Sản xuất các cấu kiện kim loại; • Sản xuất sắt, thép, gang; • Lắp đặt hệ thống điện; • Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; • Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; • Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; • Sản xuất thiết bị điện khác; • Khai thác quặng sắt (Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định); • Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; • Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; • Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định).
Điều 4	<p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p> <p>2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p>
Điểm d Khoản 1 Điều 7	Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
Khoản 3 Điều 7	<Loại bỏ nội dung này>
Điểm a Khoản 2	Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc

Điều 11	thông qua đại diện được uỷ quyền. <i>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</i>
Điểm i Khoản 2 Điều 11	<i>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;</i>
Khoản 3, 4, 5 Điều 11	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 36 của Điều lệ này.</p> <p>4. Nhóm cổ đông khi thực hiện các quyền được quy định tại điểm a Khoản 3 điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của Công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được công ty chấp thuận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, thời gian nắm giữ cổ phần để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan). Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.</p>

	<p>e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; <i>phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</i>; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> <p>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>
Khoản 2 Điều 12	<p>Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p> <p>Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn <i>năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn</i>.</p>
Điểm c Khoản 2 Điều 12	<p>Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) <i>số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>, thì trong <i>thời hạn năm (05) ngày làm việc</i> kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p>
Điểm f, Khoản 1, Điều 12	<p><i>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i></p>
Điểm g, Khoản 1, Điều 12	<p><i>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p>
Khoản 1 Điều 13	<p>“.....Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng (04), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn</i></p>

	<i>trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>
Điểm d Khoản 3 Điều 13	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.5 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
Điểm e Khoản 3 Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
Điểm c, d Khoản 4 Điều 13	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4.b thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3.d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140.3 Luật Doanh nghiệp. d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
Khoản 1 Điều 14	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; f. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
Điểm l, o Khoản 2 Điều 14	2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài

	<i>sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</i>
Điểm a Khoản 2 Điều 17	Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp;
Khoản 3 Điều 17	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc . Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
Khoản 5 Điều 17	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 của Điều lệ này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Khoản 1 Điều 18	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
Khoản 6 Điều 19	Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp hoặc (c) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
Khoản 1 Điều 20	1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% trở lên

	tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:.....
Khoản 2 Điều 20	Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại và giải thể Công ty, thay đổi ngành nghề hoặc lĩnh vực kinh doanh, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
Khoản 3 Điều 21	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. Trong trường hợp cổ đông không gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước thời hạn nói trên thì được coi là đồng ý với tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết mà Công ty đưa ra;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>
Khoản 5 Điều 21	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục</p>

	<p>danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua <i>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</i></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>g. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>
Điểm i khoản 1 Điều 22	Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp;</i>
Khoản 3 Điều 22	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <i>và tài liệu kèm theo biên bản</i> phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>
Khoản 1 Điều 24	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>
Khoản 2 Điều 24	<Loại bỏ thông tin này>
Điểm m Khoản 3 Điều 25	Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điểm c Khoản 4 Điều 25	Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);
Khoản 4 Điều 26	Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày <i>kể từ ngày từ chức/bãi miễn.</i>
Khoản 3 Điều 28	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. <i>Ít nhất</i> hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; <i>d. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</i>
Khoản 4 Điều 28	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 28.3 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28.3 Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
Khoản 8 Điều 28	Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. <i>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i>
Khoản 14 Điều 28	Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong

	<p>các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tuân thủ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</p>
Khoản 6 Điều 31	<p>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>
Điểm f Khoản 2 Điều 32	<p>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
Khoản 1 Điều 36	<p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Các thành viên Ban kiểm soát Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>
Điểm i Khoản 1 Điều 37	<p>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>
Khoản 3 Điều 37	<p>Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát.</p>
Khoản 1,2 Điều 38	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm</p>

	<i>cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i>
Điều 44	Điều 44. Năm tài chính <i>Năm tài chính</i> của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.
Khoản 1 Điều 48	1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
Điều 49	1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 2. Con dấu là tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
Điểm d Khoản 1 Điều 50	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
Điểm b Khoản 3 Điều 53	Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
Khoản 1 Điều 55	Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
Khoản 1 Điều 56	Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều , được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
Điều 57	<Loại bỏ điều khoản này>

3.7. Đề xuất Sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

Các nội dung sửa đổi như sau:

Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)
Tên quy chế	Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty.

Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>
Điều 1 Quy chế này được xây dựng theo Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành
Điểm c Điều 2	Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại các văn bản Luật hiện hành.
Điểm d, Khoản 1, Điều 3Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc , kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn....
Điểm d, Khoản 1, Điều 3	... Khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết. Quy định trên đây cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
Khoản 1 Điều 4	Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất một năm 1 lần. Hội đồng quản trị (HĐQT) triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, HĐQT quyết định gia hạn thời gian họp ĐHCĐ thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ bất thường theo quy tại Điều 13.4 của Điều lệ công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.
Khoản 4 Điều 4	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc.
Khoản 1 Điều 14	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

Mục đề xuất, sửa đổi	Đề xuất sửa đổi, bổ sung <i>(Nội dung đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>
	(Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống).
Khoản 4 Điều 15	<i>Các nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật</i>
Điểm m Khoản 3 Điều 16	Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
Điểm c Khoản 4 Điều 16	<i>Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);</i>
Điểm f Khoản 4 Điều 16	<i>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</i>
Điểm m Khoản 4 Điều 16	<i>Các vấn đề khác theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật</i>
Khoản 3 Điều 18	Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại <i>Điều 150</i> Luật doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin của công ty niêm yết
Khoản 2 Điều 23	Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, một năm họp <i>định kỳ ít nhất mỗi quý một lần</i> và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết <i>theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Điều lệ.</i>
Khoản 3 Điều 23	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển và phải có sự hiện diện của ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên mới hợp lệ và phải được ghi biên bản đầy đủ vào sổ biên bản để lưu giữ tại công ty. <i>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i>

IV. Biểu quyết và kết quả kiểm phiếu

Sau khi Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ kiểm phiếu biểu quyết, Ông Phạm Anh Tuấn thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

2. Phê duyệt báo cáo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc năm 2020

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

3. Phê duyệt báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

4. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

5. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

6. Phê duyệt thù lao của HĐQT và BKS năm 2021

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

7. Phê duyệt đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

8. Phê duyệt đề xuất sửa đổi Điều lệ Công ty

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

9. Phê duyệt đề xuất sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Đồng ý	Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không đồng ý	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	Chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

V. Các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

STT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1	Báo cáo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc năm 2020, định hướng và kế hoạch năm 2021.	100%
2	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.	100%
3	Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.	100%
4	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	100%
5	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.	100%
6	Thù lao của HĐQT và BKS năm 2021.	100%

7	Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021 .	100%
8	Sửa đổi Điều lệ Công ty.	100%
9	Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.	100%

VI. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ

Bà Phạm Thị Thu Hà – Trưởng ban Thư ký Đại hội trình bày Nghị Quyết ĐHĐCĐ trước Đại hội và được Đại hội nhất trí 100% thông qua.

Biên bản Đại hội gồm 21 trang, đã được đọc lại công khai cho toàn thể cổ đông cùng nghe và thống nhất uỷ quyền lại cho Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký đại hội cùng ký tên.

Đại hội kết thúc lúc 13h05 ngày 24 tháng 04 năm 2021.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2021

BAN THƯ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỌA



PHẠM THỊ THU HÀ



NGUYỄN ĐỨC KHẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

---o0o---

Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-NAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ các tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa ngày 24/04/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Phê duyệt các báo cáo sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban TGD năm 2020, định hướng và kế hoạch năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020;

Điều 2: Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Doanh thu:	1,500,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế:	15,000,000,000

Điều 3: Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Đơn vị: VND

STT	Khoản mục	Năm 2020
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	8.509.277.903
2	Tổng trích lập các quỹ	595.649.453
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST (bắt buộc)	425.463.895
2.2	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi 2% LNST	170.185.558
3	Thù lao HĐQT & BKS	352.099.967
3.1	Trả thù lao HĐQT 2% LNST	292.099.967
3.2	Trả thù lao Ban kiểm soát	60.000.000
4	Chia cổ tức 5% vốn điều lệ	7.944.317.000
5	Nguồn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ trước	382.788.517

1. Hình thức chi trả cổ tức:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 5%

2. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức:- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : **794.431**

- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

- Nguồn vốn phát hành : Từ lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020.

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền. Cổ phiếu quỹ sẽ không được thực hiện quyền.

- Mục đích phát hành : Chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối .

- Tỷ lệ thực hiện : 100:5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 05 cổ phần mới).

Số cổ phiếu mới nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.

- Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến phát hành trong Quý III/2021.

3. Ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề sau:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;

- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4: Phê duyệt thù lao của HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021

1. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2020

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	292.099.967
2	Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000

2. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2021

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	Không quá 2% Lợi nhuận trước thuế năm 2021
2	Thù lao Ban kiểm soát	Không quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2021

Điều 5: Phê duyệt đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và lựa chọn một công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bán niên (nửa năm) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận năm 2021 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác phù hợp.

Điều 6: Phê duyệt sửa đổi Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn nội dung sửa đổi Điều lệ theo quy định áp dụng với công ty đại chúng (Nội dung chi tiết như bản dự thảo được đệ trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ).

Điều 7: Phê duyệt sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty, được sửa đổi để phù hợp với quy định áp dụng đối với công ty đại chúng (Nội dung chi tiết như bản dự thảo được đệ trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ).

Điều 8: Tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa phê duyệt toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị Công ty căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.
- Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2021.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021
CHỦ TỌA**



NGUYỄN ĐỨC KHẢ